

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên chương trình (tiếng Việt): Kế toán
- Tên chương trình (tiếng Anh): Accounting
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Định hướng: Ứng dụng
- Ngành đào tạo: Kế toán
- Mã số: 8340301

(Ban hành kèm theo quyết định số 859/ĐHKTTCN ngày 07 /11 /2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán định hướng ứng dụng được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực kế toán, có năng lực chuyên môn sâu, có khả năng làm việc và phương pháp nghiên cứu khoa học độc lập, có khả năng tổ chức điều hành công tác chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán cũng như có khả năng thích ứng với môi trường kinh tế xã hội toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế. Chương trình cũng cung cấp những kiến thức mới, liên ngành để học viên ứng dụng vào thực tế; có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp, phục vụ cộng đồng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho đất nước, tạo cơ hội và điều kiện để nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng đội ngũ giảng viên trong Nhà trường.

- Với mục tiêu đào tạo theo định hướng ứng dụng, kết thúc khóa đào tạo thạc sĩ, học viên có năng lực chuyên môn sâu, có khả năng điều hành công tác chuyên môn, tham gia nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kế toán kiểm toán cụ thể:

+ Vận dụng được các quy trình hạch toán kế toán, kiểm toán, đánh giá được tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh; tổ chức thông tin trong các chu trình kế toán theo các loại hình đơn vị kế toán cụ thể.

+ Phân tích, đánh giá hoạt động kinh tế - tài chính trong các đơn vị, doanh nghiệp để có những quyết định về chính sách kế toán và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính.

+ Thực hiện chuẩn hoá và xây dựng các quy trình kế toán, kiểm toán của đơn vị cũng như vận dụng linh hoạt kiến thức chuyên môn vào thực tế công tác kế toán, kiểm toán, phân tích báo cáo tài chính, giải quyết được những vấn đề phát sinh về chuyên môn.

+ Làm việc độc lập, tự nghiên cứu, tự cập nhật được những thay đổi chế độ, chính sách về tài chính, kế toán, kiểm toán, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, tuân thủ đạo đức chuẩn mực nghề nghiệp kế toán kiểm toán cũng như vận dụng các kiến thức về chuyên môn để phục vụ cộng đồng và xã hội.

+ Tham gia vào các đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án cùng các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.

+ Tham gia công tác đào tạo tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực kế toán kiểm toán.

+ Đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội để giải quyết các vấn đề về kỹ năng, chuyên môn của kế toán mà ở trình độ Đại học chưa giải quyết được.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Chuẩn về kiến thức

CDR1: Hiểu biết về thế giới quan, nhân sinh quan, có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực; vận dụng được kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật.

CDR2: Hiểu biết và vận dụng những kiến thức của khoa học kinh tế, tổ chức hệ thống thông tin quản lý trong đơn vị, doanh nghiệp.

CDR3: Hiểu biết và vận dụng những kiến thức về kinh tế, kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế, phân tích tài chính, chuẩn mực kế toán - kiểm toán Việt Nam và quốc tế.

CDR4: Vận dụng các quy trình hạch toán kế toán, kiểm toán, đánh giá được tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh; tổ chức thông tin trong các chu trình kế toán theo các loại hình đơn vị kế toán cụ thể.

CDR5: Phân tích, đánh giá hoạt động kinh tế - tài chính trong các đơn vị, doanh nghiệp để có những quyết định về chính sách kế toán và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính

2.2 Chuẩn về kỹ năng

CDR6: Thực hiện chuẩn hoá và xây dựng các quy trình kế toán, kiểm toán của đơn vị.

CĐR7: Vận dụng linh hoạt kiến thức chuyên môn vào thực tế công tác kế toán, kiểm toán, phân tích báo cáo tài chính, giải quyết được những vấn đề phát sinh về chuyên môn.

CĐR8: Vận dụng phương pháp làm việc khoa học, chuyên nghiệp, có tư duy hệ thống và tư duy phê bình; có khả năng trình bày, khả năng giao tiếp, thảo luận, biết sử dụng các công cụ, phương tiện hiện đại, hội nhập được trong môi trường làm việc.

CĐR9: Thiết lập được khả năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu, tự cập nhật được những thay đổi chế độ, chính sách về tài chính, kế toán, kiểm toán, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn

CĐR10: Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả trong học tập, nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ của các cán bộ kế toán.

CĐR11: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

2.3. Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CĐR12: Chủ động trong công việc; tuân thủ pháp luật, chế độ kế toán - kiểm toán của Nhà nước và các qui định của đơn vị, doanh nghiệp.

CĐR13: Tự nghiên cứu, học hỏi tự chịu trách nhiệm cũng như thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

CĐR13: Tuân thủ nguyên tắc trung thực, khách quan trong nghề nghiệp, nhận thức đúng về vai trò, trách nhiệm người làm công tác kế toán, kiểm toán.

CĐR14: Tư vấn, xây dựng qui trình, quy chế kiểm soát trong công tác quản lý, định hướng, phát triển những hiểu biết về kế toán, kiểm toán cho đơn vị đang công tác và cộng đồng.

CĐR15: Nhiệt tình tham gia các công tác liên quan đến chuyên môn phục vụ cộng đồng xã hội.

2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Kế toán trưởng, trưởng phòng kế toán, kiểm soát viên nội bộ, trưởng ban kiểm soát nội bộ, CEO trong các tập đoàn, tổng công ty, công ty, đơn vị hành chính sự nghiệp.

- Trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên trong các công ty kiểm toán.

- Chuyên viên phụ trách kế toán tại các ngân hàng và các bộ phận chức năng về kế toán - kiểm toán tại các Bộ, các ngành và các cơ quan nhà nước khác.

- Giảng viên giảng dạy tại các trường Cao đẳng, Đại học đào tạo về Kế toán.

- Chuyên viên tại các viện nghiên cứu, các tổ chức xã hội nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực kế toán kiểm toán.

2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có đầy đủ khả năng theo học các chương trình nghiên cứu sinh để nhận học vị tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, nghiệp vụ đáp ứng nhiệm vụ công việc được giao.

2.6. Trình độ ngoại ngữ: Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tối thiểu Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

3. Yêu cầu đối với người học

3.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Các ngành phù hợp mà không phải là ngành đúng sẽ phải học bổ sung/ chuyển đổi kiến thức (theo bảng danh mục ngành phù hợp và các học phần chuyển đổi/ bổ sung liên thức). Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh và hội đồng khoa học nhà trường quyết định.

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung/ chuyển đổi kiến thức

TT	Ngành tốt nghiệp đại học	Các học phần bổ sung/chuyển đổi kiến thức (tên học phần, số tín chỉ)
1	Kế toán, Kiểm toán	Không
2	Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, Tài chính ngân hàng, Bảo hiểm, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án.	1. Kế toán tài chính (3 tín chỉ) 2. Kế toán quản trị (3 tín chỉ) 3. Kiểm toán (3 tín chỉ)

- Các qui định khác: Theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

3.2 Phương thức tuyển sinh:

a. Xét tuyển: Xét tuyển gồm 3 môn cụ thể:

- Môn ngoại ngữ: Theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường
- Hai môn khác là tổ hợp cao nhất của ứng viên được nhà trường thông báo tại các đợt tuyển sinh hàng năm.

- Hình thức và quy trình xét tuyển trong mỗi kỳ tuyển sinh do Trường quyết định.

b. Thi tuyển: thí sinh sẽ thi 3 môn gồm:

- Môn 1: Nguyên lý kế toán
- Môn 2: Kế toán tài chính
- Môn ngoại ngữ: Theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường

4. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên hoàn thành các học phần trong Chương trình đào tạo và đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

5. Chương trình đào tạo

5.1 Cấu trúc chương trình

- Phần kiến thức chung: 06 tín chỉ
- Phần kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành: 45 tín chỉ
 - + Lý thuyết: 39 tín chỉ
 - + Thực hành, thực tập, chuyên đề, tiểu luận: 06 tín chỉ
- Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án): 09 tín chỉ

5.2 Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			Ghi chú
		Tổng số	LT	TH, TN, TL	
I. Phần kiến thức chung		6			
0601002218	Triết học	4	48	24	
0601001468	Phương pháp NCKH	2	24	12	
II. Phần kiến thức cơ sở ngành		12			
Các học phần bắt buộc		6			
0601000561	Kinh tế học	2	24	12	
0601002222	Lý thuyết kế toán	2	24	12	
0601002278	Thống kê và Phân tích dữ liệu	2	24	12	
Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong 7 học phần)		6			
0601002279	Tài chính công	2	24	12	
0601002280	Quản trị tài chính DN	2	24	12	
0601002281	Quản trị chiến lược	2	24	12	
0601002282	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2	24	12	
0601002283	Quản trị rủi ro	2	24	12	
0601002284	Quản lý Nhà nước về Kinh tế	2	24	12	
0601002285	Luật kinh tế tài chính	2	24	12	
III. Phần kiến thức chung của ngành		21			
Các học phần bắt buộc		12			
0601002223	Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán	3	36	18	
0601000458	Phân tích báo cáo tài chính	3	36	18	
0601002286	Kế toán quản trị	3	36	18	

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)			Ghi chú
		Tổng số	LT	TH, TN, TL	
0601002445	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	0	90	
Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong 5 học phần)		9			
0601002221	Pháp luật kế toán	3	36	18	
0601002291	Hệ thống thông tin kế toán	3	36	18	
0601002361	Hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế	3	36	18	
0601002292	Kế toán định giá doanh nghiệp	3	36	18	
0601002293	Kế toán ngân hàng thương mại	3	36	18	
IV. Phần kiến thức chuyên ngành		12			
Các học phần bắt buộc		9			
0601000446	Kế toán tài chính	3	36	18	
0601002287	Kiểm toán tài chính	3	36	18	
0601002448	Chuyên đề 2: Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3	0	90	
Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		3			
0601002288	Kế toán công	3	36	18	
0601002289	Kiểm soát nội bộ	3	36	18	
0601002290	Báo cáo tài chính hợp nhất	3	36	18	
V. Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)					
0601002449	Đề án tốt nghiệp	9	0	540	
Tổng cộng:		60			

6. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

6.1. Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm

6.2. Khung kế hoạch đào tạo

Mã số học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
I. Học kỳ 1 (5 môn BB + 1 môn TC)		16	
0601002218	Triết học	4 (48,24, 120)	BB
0601001468	Phương pháp NCKH	2 (24,12, 60)	BB
0601000561	Kinh tế học	2 (24, 12,60)	BB

Mã số học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
0601002222	Lý thuyết kế toán	2 (24, 12,60)	BB
0601002221	Pháp luật kế toán	3 (36,18,90)	TC
0601002223	Đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán	3 (36, 18, 90)	BB
II. Học kỳ 2 (3 môn BB + 3 môn TC)		14	
0601002278	Thống kê và phân tích dữ liệu	2 (24,12,60)	BB
0601002279	Tài chính công	2(24, 12, 60)	TC
0601002280	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2(24, 12, 60)	TC
0601002281	Quản trị chiến lược	2(24, 12, 60)	TC
0601002282	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2 (24, 12,60)	TC
0601002283	Quản trị rủi ro	2(24, 12, 60)	TC
0601002284	Quản lý Nhà nước về Kinh tế	2(24, 12, 60)	TC
0601002285	Luật kinh tế tài chính	2(24, 12, 60)	TC
0601002286	Kế toán quản trị	3 (36,18, 90)	BB
0601000458	Phân tích báo cáo tài chính	3 (36,18, 90)	BB
III. Học kỳ 3 (2 môn BB + 3 môn TC)		15	
0601000446	Kế toán tài chính	3(36, 18, 90)	BB
0601002287	Kiểm toán tài chính	3 (36,18, 90)	BB
0601002288	Kế toán công	3 (36,18, 90)	TC
0601002361	Hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế	3 (36,18, 90)	TC
0601002291	Hệ thống thông tin kế toán	3 (36,18, 90)	TC
0601002289	Kiểm soát nội bộ	3 (36,18, 90)	TC
0601002292	Kế toán định giá doanh nghiệp	3 (36,18, 90)	TC
0601002293	Kế toán ngân hàng thương mại	3 (36,18,90)	TC
IV. Học kỳ 4 (2 chuyên đề + 1 đề án)		15	

Mã số học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
0601002445	Chuyên đề 1: Phân tích tài chính doanh nghiệp	3(0,90,90)	BB
0601002448	Chuyên đề 2: Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3(0,90,90)	BB
0601002449	Đề án tốt nghiệp	9 (0,540,0)	BB

6.3. Danh sách giảng viên giảng dạy

TT	Môn học	TC	Giảng viên phụ trách	Đơn vị
1	Triết học	4	TS. Bùi Thanh Thủy TS. Lê Thị Lý	LLCT
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	PGS. TS. Nguyễn Đình Thọ TS. Phạm Thị Lựa TS. Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán
3	Kinh tế học	2	PGS.TS Nguyễn Đình Thọ TS. Phùng Thị Lan Hương	KTDL
4	Lý thuyết kế toán	2	TS. Trần Thị Quỳnh Giang TS. Nguyễn Ngọc Khương	Kế toán
5	Pháp luật kế toán	3	TS. Hoàng Thu Hiền TS. Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán
6	Thống kê và Phân tích dữ liệu	2	TS. Trần Hoàng Long TS. Nguyễn Thị Chi	QTKD
7	Đạo đức nghề nghiệp Kế toán - Kiểm toán	3	GS.TS. Ngô Thế Chi TS. Nguyễn Hồng Anh TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán
8	Tài chính công	2	TS. Đặng Hương Giang TS. Đường Thanh Hải	TCNH
9	Quản trị tài chính DN	2	TS. Trần Đức Cân TS. Phùng Thị Lan Hương TS. Vũ Thị Thục Oanh	TCNH

TT	Môn học	TC	Giảng viên phụ trách	Đơn vị
10	Quản trị chiến lược	2	TS. Lưu Khánh Cường TS. Nguyễn Thị Chi TS. Nguyễn Thị Phương	QTKD
11	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2	TS. Đặng Hương Giang TS. Vũ Thị Thục Oanh	TCNH
12	Quản trị rủi ro	2	TS. Nguyễn Thị Chi TS. Lưu Khánh Cường TS. Đoàn Kim Thêu	QTKD
13	Quản lý Nhà nước về Kinh tế	2	TS. Phạm Thị Lựa TS. Lê Thị Kim Chi	KTDL
14	Luật kinh tế tài chính	2	TS. Nguyễn Thị Phương TS. Lưu Khánh Cường	QTKD
15	Kế toán tài chính	3	TS. Hoàng Thị Phương Lan TS. Trần Thị Quỳnh Giang	Kế toán
16	Kế toán quản trị	3	TS. Nguyễn Ngọc Lan TS. Ngô Thị Trà	Kế toán
17	Kiểm toán tài chính	3	TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan TS. Phạm Thị Thùy Vân	Kế toán
18	Kế toán công	3	TS. Hoàng Thu Hiền TS. Trần Thị Thắm	Kế toán
19	Phân tích báo cáo tài chính	3	TS. Nguyễn Hồng Anh TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán
20	Kiểm soát nội bộ	3	TS. Nguyễn Ngọc Khương TS. Phạm Thị Thùy Vân	Kế toán
21	Hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế	3	TS. Hoàng Thu Hiền TS. Trần Thị Thắm	Kế toán
22	Hệ thống thông tin kế toán	3	TS. Hoàng Thị Huyền TS. Đinh Thị Kim Xuyên	Kế toán
23	Báo cáo tài chính hợp nhất	3	TS. Trần Thị Quỳnh Giang TS. Hoàng Thị Phương Lan	Kế toán

TT	Môn học	TC	Giảng viên phụ trách	Đơn vị
24	Kế toán định giá doanh nghiệp	3	TS. Trần Thị Thắm TS. Nguyễn Ngọc Lan	Kế toán
25	Kế toán ngân hàng thương mại	3	TS. Hoàng Thu Hiền TS. Đặng Hương Giang	Kế toán
26	Chuyên đề 1 : Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	TS. Nguyễn Hồng Anh TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	Kế toán
27	Chuyên đề 2: Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3	TS. Hoàng Thị Phương Lan TS. Trần Thị Quỳnh Giang	Kế toán

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

